TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** **TỈNH ĐIỆN BIÊN** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc** _____

Bản án số: 07/2018/DS-ST
Ngày: 09/02/2018
V/v: "Tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Lường Thị Minh

2. Ông: Nguyễn Trung Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Châm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Thiều Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 09/02/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2017/TLST - DS ngày 10/10/2017 về "Tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST - DS ngày 19/01/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lường Văn H. Sinh năm 1947

Địa chỉ: Đội 09, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Ông Quàng Văn T. Sinh năm 1944

Địa chỉ: Đội 09A, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Chị Lò Thị C. Sinh năm 1988

Địa chỉ: Đội 20, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền lập ngày 04 tháng 01 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Tòng Văn T. Sinh năm 1992

Địa chỉ: Đội 06B, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn:

Bà: Cà Thị S. Sinh năm 1960.

Địa chỉ: Đội 09, xã T, huyện Đ, tỉnh Điên Biên.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn: Ông Lường Văn H. Sinh năm 1947

Địa chỉ: Đội 09, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền lập ngày 06 tháng 11 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh H, huyện Đ).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn:

Bà: Lò Thị B. Sinh năm 1950.

Chị: Quàng Thị T. Sinh năm 1979.

Đều cùng địa chỉ: Đội 09A, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn: Chị Lò Thị C. Sinh năm 1988

Địa chỉ: Đội 20, xã Noong Hẹt, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền lập ngày 04 tháng 01 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ).

4. Người phiên dịch cho ông Quàng Văn T.

Chị: Lò Thị H, sinh năm 1991

Địa chỉ: Đội 08, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

(Ông H, ông T, chị C đều có mặt tại phiên tòa. Bà B; chị T vắng mặt; anh T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Lường Văn H trình bày:

Vào tháng 02 năm 2017, gia đình ông có thả đàn trâu gồm 06 con vào khu vực trại bò giáp ranh giữa xã T và xã H, huyện Đ. Đến một tuần sau gia đình ông có lên tìm và phát hiện thấy trong đàn trâu không còn 01 con trâu đực màu đen khoảng 06 tuổi có đặc điểm: Vành tai trái có vết cắt (do gia đình đánh dấu); mắt trái con ngươi có màu trắng đục, ở nách trái có 01 u nhỏ khoảng 3cm. Đến ngày 24 tháng 7 năm 2017 ông có nhận được thông tin là gia đình ông Quàng Văn T có chăn dắt một con trâu có đặc điểm như trên do ông T nhận từ bản Ló, xã T, huyện Đ về. Sau khi xem xét con trâu, ông H khẳng định đó là con trâu của gia đình ông đã bị thất lạc vào tháng 02 năm 2017. Gia đình ông H đã báo cho gia đình ông T trả trâu cho gia đình ông nhưng gia đình ông T không trả. Đến ngày 25 tháng 7 năm 2017, ông H có viết đơn đề nghị Công an xã T, huyện Đ giải quyết. Ngày 24 tháng 8 năm 2017, Ủy ban nhân dân xã T đã hòa giải nhưng không thành nên đã tạm giao con trâu đang tranh chấp cho gia đình ông T tiếp tục chăm sóc chờ kết quả giải quyết của Tòa án. Do đó, ông H khởi kiện ra Tòa án yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Quàng Văn T trả lại con trâu đực có đặc điểm trên cho gia đình ông.

Tại phiên tòa, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án căn cứ vào Kết luận giám định ADN, buộc ông T phải trả lại con trâu đực cho gia đình ông.

Trong văn bản phản tố ngày 04 tháng 01 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn; Người đại diện hợp pháp của bị đơn và của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với phía bị đơn trình bày:

Con trâu đực màu đen khoảng 07 tuổi là của gia đình ông T. Do gia đình ông T thả cùng đàn trên rừng thuộc khu vực H, xã T, con trâu đã về nhà ông Tòng Văn S ở bản Ló, xã T, con trai ông S là anh T đã đề nghị UNND xã T thông báo cho gia đình nào mất trâu thì đến nhận. Ngày 02 tháng 6 năm 2017, ông T đã đến nhận trâu và trả tiền công chăn dắt cho anh T số tiền là 1.500.000 đồng trước sự chứng kiến của Công an xã, trưởng thôn 9A, trưởng thôn 7, xã T, huyện Đ. Sau gần 03 tháng sau ông Lường Văn H đến nhà ông T xem con trâu và nhận con trâu đó là của nhà ông H, UBND xã T đã hòa giải nhưng không thành và tạm giao con trâu đực khoảng 07 tuổi cho gia đình ông T chăm sóc trong thời gian chờ Tòa án giải quyết. Theo kết luận giám định ADN của phòng thí nghiệm trọng điểm tế bào động Viện chăn nuôi, Bộ Nông Nghiệp. Ông T nhất trí trả lại cho gia đình ông H một con trâu đực khoảng 07 tuổi. Tuy nhiên ông T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với phía bị đơn yêu cầu ông H phải thanh toán tiền công chăn dắt con trâu cho ông T từ ngày 02 tháng 6 năm 2017 đến ngày 04/01/2018 là 212 ngày x 100.000 đồng/ngày = 21.200.000 đồng. Từ ngày 04/01/2018 đến ngày Tòa án xét xử ông H phải trả tiền công chăn dắt cho ông T số tiền là 100.000 đồng/ngày. Số tiền công chăn dắt ông T yêu cầu ông H phải trả là (từ ngày 02/6/2017 đến ngày 09/02/2018) 247 ngày x 100.000 đồng/ngày = 24.700.000 đồng. Người đại diện hợp pháp cho ông T, bà B, chị T còn yêu cầu ông H phải trả cho ông T số tiền 1.500.000 đồng là tiền ông T đã trả cho anh T. Tổng số tiền ông T yêu cầu ông H phải trả là 26.200.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của các đương sự Tòa án đã ra Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ số 02/2017/QĐ - XXTĐTC ngày 08/12/2017 để xem xét thẩm định tại chỗ đối với con trâu đang tranh chấp và Quyết định trưng cầu giám định ADN số: 02/2017/QĐ-TA ngày 08/12/2017 trưng cầu Phòng thí nghiệm trọng điểm, công nghệ, tế bào động vật - Viện chăn nuôi xác định huyết thống con trâu đang tranh chấp với các con trâu mẹ mà các bên đưa ra làm mẫu đối ứng. Kết quả giám định số 31/PTNTĐ-KHCN ngày 25/12/2017 kết luận: mẫu trâu có ký hiệu T-01 (là con trâu đực đang tranh chấp) và con trâu có ký hiệu T- 03 (là con trâu mẹ trong đàn trâu của ông Lường Văn H) có quan hệ huyết thống mẹ - con; mẫu trâu T- 01 và mẫu trâu T-02 (là con trâu mẹ trong đàn trâu của ông Quàng Văn T) không có quan hệ huyết thống mẹ - con.

Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Tại phiên tòa, ông H cũng nhất trí trả cho ông T số tiền 1.500.000 đồng là tiền gia đình ông T đã trả tiền công chăm sóc con trâu cho anh Tòng Văn T. Ông H nhất trí trả tiền công chăn dắt con trâu cho ông T tuy nhiên số tiền ông T yêu cầu là cao nên ông H chỉ trả số tiền công chăn dắt là 40.000 đồng/ngày tính từ ngày ông T nhận con trâu do anh Tòng Văn T bàn giao cho ông T (từ ngày 02/6/2017 đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử).

Tòa án cũng đã xác minh tại địa phương xem xét tập quán, phong tục trả tiền công chăn dắt và tiền công lao động phổ thông trên địa bàn xã T, thể hiện lao động phổ thông tại địa phương có mức thu nhập từ 100.000 đến 150.000đ/ngày/ người.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 161 Điều 166; Điều 231; Điều 583 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đòi lại trâu của ông Lường Văn H. Buộc ông Quàng Văn T trả lại 01 con trâu đực 07 tuổi cho ông Lường Văn H.

Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đòi tiền công chăn dắt trâu của ông Quàng Văn T, tuy nhiên về số tiền công ông T yêu cầu là 100.000đ/ngày công không phù hợp với mức thu nhập bình quân của người lao động trên địa bàn xã T. Ông H nhất trí trả tiền công chăn dắt với mức 40.000 đồng/ngày công là phù hợp. Vì vậy đề nghị HĐXX buộc ông Lường Văn H phải trả cho ông T số tiền công chăn dắt trâu tính từ ngày 02/6/2017 đến ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09/02/2018). Mức công chăn dắt là 40.000đ/ngày x 247 ngày = 9.880.000đ

Chấp nhận sự thỏa thuận giữa ông H, ông T, chị Chỉnh về việc ông H tự nguyện trả cho ông T số tiền 1.500.000 đồng là tiền ông T đã trả tiền công chăn dắt cho anh Tòng Văn Thoan.

Về chi phí giám định; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm: Căn khoản 1 Điều 147; 158; 161; 162 BLTTDS; Căn cứ điều 26; khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị HĐXX buộc ông T phải chịu 300.000 đồng án phí DSST và chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền vượt quá yêu cầu không được chấp nhận là (247 ngày x 60.000 đồng = 14.820.000) x 5% = 741.000 đồng. Ông H phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T số tiền là (247 ngày x 40.000 đồng) + 1.500.000 đồng = 11.380.000 đồng) x 5% = 569.000 đồng. Buộc ông T phải chịu toàn bộ chi phí giám định và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Lường Văn H yêu cầu Tòa án buộc ông Quàng Văn T trả lại 01 con trâu đực 07 tuổi vì ông H cho rằng con trâu thuộc quyền sở hữu của ông. Do đó đây là tranh chấp về quyền sở hữu. Bị đơn cư trú tại xã T, huyện Đ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 04/01/2018 người đại diện hợp pháp cho bị đơn yêu cầu Tòa án buộc ông H trả tiền công chăn dắt cho ông T số tiền là 100.000đ/ngày. Đây là yêu cầu phản tố của bị đơn, có liên quan đến yêu cầu khởi kiện đòi lại tài sản của nguyên đơn cần giải quyết trong vụ án đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[3] Về nội dung: Đối với yêu cầu của ông H về việc đề nghị Tòa án buộc ông T phải trả lại cho ông H 01 con trâu đực 07 tuổi: Lời khai của các đương sự thể hiện gia đình các đương sự đều có một con trâu đực khoảng 07 tuổi, do con mẹ trong đàn đẻ ra. Do phong tục thả rông nên con trâu đực trên đã tách ra khỏi đàn trâu của gia đình các bên không biết, gia đình ông H và ông T đều phát hiện mất con trâu. Ngày 02/6/2017, gia đình ông T đã nhận con trâu từ anh Tòng Văn Thoan trước sự chứng kiến của chính quyền địa phương xã T. Ngày 24 tháng 7 năm 2017 ông H biết tin gia đình ông T có chăn dắt một con trâu có đặc điểm như trên. Sau khi xem xét con trâu, ông H khẳng định đó là con trâu của gia đình ông đã bị thất lạc. Hai bên xảy ra tranh chấp, Ủy ban nhân dân xã T đã hòa giải nhưng không thành nên đã tạm giao con trâu đang tranh chấp cho gia đình ông T tiếp tục chăm sóc chờ kết quả giải quyết của Tòa án. Như vậy, có căn cứ để xác định việc gia đình ông H và ông T có con trâu đực khoảng 07 tuổi bị mất là sự thật. Việc gia đình ông T đi tìm và nhận con trâu từ anh T là hoàn toàn ngay tình vì cho rằng đó là con trâu của gia đình bị thất lạc. Tuy nhiên, theo kết luận giám định ADN số 31/PTNTĐ - KHCN ngày 25/12/2017 của Phòng thí nghiệm trọng điểm, công nghệ, tế bào động vật - Viện chăn nuôi, Bộ Nông Nghiệp đã thể hiện con trâu mà gia đình ông T bắt về không cùng huyết thống với con trâu mẹ trong đàn trâu của gia đình ông T mà con trâu đang tranh chấp có cùng huyết thống với con trâu mẹ trong đàn của gia đình ông H. Tại phiên tòa, ông H; ông T; người đại diện hợp pháp của ông T và của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhất trí trả trâu cho ông H. Sự thỏa thuận đó là tự nguyện; không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc ông T; bà B; chị T trả lại trâu đực 07 tuổi cho gia đình ông H sở hữu.

[4]. Xét yêu cầu phản tố đòi tiền công chăn dắt của bị đơn ông Quàng Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế trong thời gian sảy ra tranh chấp chưa xác định được chính xác ai là chủ sở hữu con trâu. Gia đình ông T được tạm giao để chăn dắt, chăm sóc con trâu tránh để xảy ra thiệt hại về tài sản là cần thiết; quá trình chăm sóc trâu phải mất công chăn dắt và chăm sóc con trâu. Do đó, việc bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên bị đơn yêu cầu đòi tiền công chăn dắt là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 231; Điều 583 của Bộ luật Dân sự 2015.

[4.1] Về thời điểm tính tiền công chăn dắt, chăm sóc con trâu đang tranh chấp: Bị đơn; Người đại diện hợp pháp của bị đơn và của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu tính từ ngày 02/6/2017. Tại phiên tòa, nguyên đơn nhất trí thời điểm tính tiền công chăn dắt, chăm sóc con trâu từ ngày 02/6/2017 đến ngày Tòa án xét xử (Ngày 09/02/2018). Hội đồng xét xử xét thấy ngày 02/6/2017 là ngày gia đình ông T nhận con

trâu từ anh Tòng Văn T về chăn dắt, chăm sóc, có sự chứng kiến của đại diện chính quyền xã T. Do đó việc xác định từ ngày 02/6/2017 đến ngày 09/02/2018 để tính tiền công chăn dắt là phù hợp. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Xét yêu cầu tính tiền công chăn dắt trâu của bị đơn: Bị đơn; người đại diện hợp pháp của bị đơn và của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đưa ra tại phiên tòa là 100.000đ/ ngày. Nguyên đơn ông H nhất trí trả tiền công chăn dắt và chăm sóc con trâu nhưng không chấp nhận số tiền công là 100.000 đồng/ngày mà chỉ chấp nhận trả tiền công chăm sóc và chăn dắt là 40.000 đồng/1 ngày. Hội đồng xét xử xét thấy với số tiền mà bị đơn; người đại diện hợp pháp của bị đơn và của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đưa ra là quá cao bởi lẽ: Qua xem xét tình hình thực tế trên địa bàn xã T xác định, mức thu nhập bình quân của người dân trong địa bàn xã là từ 100.000 đến 150.000 đồng/ngày. Tại phiên tòa, bị đơn khẳng định từ ngày được tạm giao con trâu đang tranh chấp, gia đình nuôi chăn dắt không thả rông; gia đình chăn dắt con trâu đang tranh chấp cùng đàn trâu 05 con của gia đình. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy trong một ngày công chăn dắt trâu, gia đình phía bị đơn không chỉ duy nhất chăn dắt một con trâu đang tranh chấp mà công chăn dắt tính cho cả đàn trâu của gia đình và thu nhập từ lao động khác. Nguyên đơn ông H nhất trí trả tiền công chăn dắt với mức 40.000 đồng/1 ngày, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Điện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận tiền công chăn dắt là 40.000 đồng/ngày là phù hợp. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tiền công chăn dắt con trâu đang tranh chấp được xác định như sau: Tính từ ngày 02/6/2017 (ngày ông T nhận trâu từ anh Tòng Văn T) đến ngày 09/02/2018 (ngày Tòa án xét xử sơ thẩm) là 247 ngày x 40.000đ/ngày = 9.880.000đ. Số tiền 1.500.000 đồng ông T đã trả công cho anh Tòng Văn T là 1.500.000 đồng. Tổng số tiền ông H phải trả cho ông T là 11.380.000 đồng.

[5] Về chi phí giám định; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với con trâu tranh chấp: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự yêu cầu Tòa án giám định ADN xem xét thẩm định tại chỗ đối với con trâu đang tranh chấp. Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật, tổ chức lấy mẫu giám định và gửi mẫu yêu cầu Viện chăn nuôi giám định theo quy định của pháp luật. Tổng chi phí lấy mẫu giám định và phí giám định hết 7.280.000đ. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ hết 1.250.000 đồng.

Hai bên đương sự mỗi người đã nộp tạm ứng chi phí giám định là 7.500.000 đồng; tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.500.000 đồng. Nay kết quả giám định xác định yêu cầu của ông Lường Văn H là có căn cứ cho nên ông Quàng Văn T sẽ phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 7.280.000đ và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.250.000 đồng. Ông T đã nộp đủ số tiền chi phí giám định và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Trả lại cho ông T số tiền còn lại là 1.470.000 đồng theo biên bản giao trả nhận tiền tạm ứng chi phí tố tụng (Bút lục 123). Trả lại cho ông H toàn bộ số tiền 10.000.000 đồng là tiền tạm ứng chi phí giám định và tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (Bút lục 122) theo quy định tại khoản 1 Điều 157; khoản 2 Điều 158; khoản 1 Điều 161; khoản 1 Điều 162 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

[6]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2, khoản 5 Khoản 8 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông Lường Văn H yêu cầu đòi lại tài sản là con trâu, tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận ông T trả lại con trâu cho ông H, cho nên ông Quàng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Yêu cầu phản tố đòi tổng số tiền công chăn dắt trâu đối với ông Quàng Văn T là 26.200.000 đồng. Số tiền công chăn dắt được Hội đồng xét xử chấp nhận là 11.380.000 đồng, ông Lường Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu trả tiền công chăn dắt là 11.380.000 đồng x 5% = 569.000 đồng. Số tiền công chăn dắt mà ông T yêu cầu ông H phải trả còn lại là 14.820.000 đồng Hội đồng xét xử không chấp nhận vì vậy ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 14.820.000 đồng x 5 % = 741.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc ông T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trả lại tài sản là con trâu cho ông H. Sự thỏa thuận trên là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 246/BLTTDS. Vì vậy sự thỏa thuận này có hiệu lực pháp luật ngay không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 161 Điều 166; Điều 231; Điều 583 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 2 Điều 158; khoản 1 Điều 161; khoản 1 Điều 162; Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2, khoản 5, Khoản 8 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa đối với tranh chấp quyền sở hữu về tài sản, cụ thể như sau: Ông Quàng Văn T; bà Lò Thị B và chị Quàng Thị T trả lại cho ông Lường Văn H 01 con trâu đực 07 tuổi màu đen (Hiện ông Quàng Văn T đang được tạm giao để chăm sóc theo biên bản bàn giao ngày 02/6/2017).

2. Tuyên xử:

2.1 Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố phản tố đòi tiền công chăn dắt trâu của ông Quàng Văn T và của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị B; bà Quàng Thị T. Buộc ông Lường Văn H phải trả cho ông Quàng Văn T số tiền công chăn dắt trâu tính từ ngày 02/6/2017 đến ngày tuyên án sơ thẩm ngày 09/02/2018 và tiền ông T đã trả cho anh T là 11.380.000 đồng (Mười một triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và ông Quàng Văn T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng ông Lường Văn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2.2. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Quàng Văn T và của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị B; chị Quàng Thị T về việc buộc ông Lường Văn H phải trả số tiền công chăn dắt là 14.820.000 đồng (Mười bốn triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng)

2.3. Về chi phí giám định và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Quàng Văn T phải chịu số tiền 7.280.000đ (Bẩy triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) chi phí giám định và 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ông T đã nộp đủ số tiền chi phí giám định và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

2.4. Về án phí: Ông Quàng Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 741.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng số tiền án phí ông T phải chịu là 1.041.000 đồng được khấu trừ vào số tiền chị Lò Thị C đã nộp tạm ứng án phí là 530.000 đồng tại thi hành dân sự huyện Đ theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002727 ngày 05/01/2018. Ông T còn phải nộp 511.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Lường Văn H phải chịu 569.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng được khấu trừ vào số tiền ông H đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng tại thi hành dân sự huyện Đ theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002656 ngày 10/10/2017. Ông H còn phải nộp 269.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Quyền kháng cáo:

3.1. Đối với tranh chấp quyền sở hữu về tài sản, các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau và được Hội đồng xét xử chấp nhận nên có hiệu lực pháp luật ngay không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3.2. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn:

Ông Lường Văn H; Ông Quàng Văn T; người đại diện hợp pháp của ông T và của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo về yêu cầu phản tố của bị đơn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 09/02/2018; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc niêm yết bản án.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh*
- *VKSND H.ĐB*
- *Chi cục THSDS H.ĐB;*
- *Các Đương sự;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- Người đại diện HP của BĐ và của NCQLNVLQ;
- Lưu HS.

Đặng Thị Thùy Dương